

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 25-02-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị M, sinh năm: 1987; (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: đường X, khóm D, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;

- Bị đơn: Ông Cao M1, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, khóm D, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn bà Lý Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị M và ông Cao M1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2006; Sau đó, ông bà mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138, ngày 04 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp. Ông bà chung sống hạnh phúc đến

năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, ông M1 không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và ông M1 có hành vi đánh bà M. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, bà M không có gởi đơn yêu cầu địa phương hòa giải cho ông bà. Nay bà M nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao M1.

- Về con chung: Bà Lý Thị M trình bày, trong thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung tên Cao Thị Khánh N, nữ, sinh ngày 03/12/2006; Cao T, nam, sinh ngày: 16/6/2012 và Cao N1, nam, sinh ngày: 15/6/2015. Bà Lý Thị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Thị Khánh N, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Cao M1 cấp dưỡng nuôi con và giao 02 cháu Cao T và Cao N1 cho ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T và cháu Nguyễn đủ 18 tuổi, bà Lý Thị M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Thị Khánh N và cháu Cao N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Cao M1 cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Cao T cho ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, bà Lý Thị M không cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với bị đơn ông Cao M1, sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Cao M1 không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Sau đó, Tòa án đã gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông M1 03 (ba) lần nhưng ông vẫn không tham gia.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 28/12/2021 (Bút lục 24), nguyện vọng của cháu Cao Thị Khánh N như sau: Cháu Cao Thị Khánh N có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Lý Thị M, cháu không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc cha cháu là ông Cao M1 phải cấp dưỡng nuôi cháu.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 15/12/2021 (Bút lục 23), nguyện vọng của cháu Cao T như sau: Cháu Cao T có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông Cao M1.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lý Thị M thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn ông Cao M1 không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lý Thị M được ly hôn với ông Cao M1; Về con chung giao cháu Cao Thị Khánh N và cháu Cao N1 cho bà Lý Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Cao T cho ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng; cho đến khi cháu N; cháu T và cháu Nguyên đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: bà Lý Thị M trình bày, bà không yêu cầu ông Cao M1 cấp dưỡng nuôi con và bà cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị M tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Lý Thị M khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Cao M1; địa chỉ đường X, khóm D, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. **Tại phiên tòa sơ thẩm**, bị đơn ông Cao M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Cũng tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về con chung bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Thị Khánh N và cháu Cao N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Cao M1 cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Cao T cho ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, bà Lý Thị M không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị M, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Lý Thị M và ông Cao M1 chung sống với nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138, ngày 04/12/2013 do Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp. Tại thời điểm kết hôn thì bà Lý Thị M và ông Cao M1 đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà M và ông M1 có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, ông M1 không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông M1 có hành vi đánh bà M, ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ 03 (ba) lần nhưng ông M1 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên Tòa hôm nay bà Lý Thị M vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Cao M1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Như vậy, theo quy định trên thì bà M và ông M1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Lý Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Cao M1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: bà Lý Thị M trình bày, trong thời gian bà và ông Cao M1 chung sống có với nhau 03 người con chung tên Cao Thị Khánh N, nữ, sinh ngày 03/12/2006; Cao T, nam, sinh ngày: 16/6/2012 và Cao N1, nam, sinh ngày: 15/6/2015. Từ khi ông bà sống ly thân vào năm 2018, cháu Cao Thị Khánh N do bà Lý Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Cao T và Cao N1 do ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi bà nộp đơn khởi kiện thì bà M trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu Nguyễn, còn cháu T do ông M1 trực tiếp nuôi. Do đó, bà Lý Thị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Thị Khánh N và cháu Cao N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Cao M1 cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Cao T cho ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, bà Lý Thị M không cấp dưỡng nuôi con

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Cao Thị Khánh N và cháu Cao N1 do bà Lý Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Cao T do ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 15/12/2021 (Bút lục 23) thì cháu Cao T có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông Cao M1 và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 28/12/2021 (Bút lục 24), cháu Cao Thị Khánh N có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Lý Thị M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị M, giao cháu Cao Thị Khánh N

và cháu Cao N1 cho bà Lý Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao Cao T cho ông Cao M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Do đó, bà Lý Thị M và ông Cao M1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định này thì bà M và ông Cao M1 đều có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, do bà M và ông M1 mỗi người đều có trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà Lý Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị M, trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị M được ly hôn với ông Cao M1.

- Về con chung: Giao con chung tên Cao Thị Khánh N, nữ, sinh ngày 03/12/2006 và Cao N1, nam, sinh ngày: 15/6/2015 cho bà Lý Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung tên Cao T, nam, sinh ngày: 16/6/2012 cho ông Cao M1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Lý Thị M không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Lý Thị M và ông Cao M1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị M trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Lý Thị M phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000069, ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lý Thị M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Nguyên đơn bà Lý Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Cao M1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND Phường 8;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kim Hằng